

Số: 463/QĐ-BVĐK

Kim Sơn, ngày 15 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách
Quý I/2024 của Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN KIM SƠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ vào Quyết định số 833/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ngày 11/12/2023 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – hành chính, trưởng phòng Tài chính – Kế toán , các phòng ,ban, các đơn vị liên quan, cấp trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu –chi ngân sách quý I năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính ,Trưởng phòng Tài chính – Kế toán và các đơn vị liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Tổ chức cấp trên;
- Các phòng, ban;
- Lưu : VT,TCHC,TCKT.


Nguyễn Anh Dũng

BIÊN BẢN

Niêm yết, công khai thực hiện dự toán thu - chi NSNN Quý I năm 2024

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ vào Quyết định số 833/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ngày 11/12/2023 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế -xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 ;

Hôm nay, vào hồi 8h30 ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại hội trường tầng hai khu nhà điều hành Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn, chúng tôi gồm có:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông :NguyễnAnh Dũng	Giám đốc
2	Ông ; Trần Văn Chính	Trưởng ban thanh tra nhân dân
3	Ông : Trần Minh Tứ	Chủ tịch Công đoàn
4	4. Bà Trần Thị Lan	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán
5	Bà : Trần Thị Hoa	Kế toán viên - Phòng TC-KT

Nội dung:

Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn thực hiện công khai theo quy định như sau:

- Hình thức công khai: Dán niêm yết trên bảng thông báo Bệnh viện
- Địa điểm: Tại tiền sảnh khu nhà điều hành của Bệnh viện, trang website benhvienkimsom.com của bệnh viện
- Thời gian: 90 ngày liên tục (Từ ngày 15/4/2024 đến ngày 15/7 /2024)
- Nội dung công khai:

Niêm yết công khai thực hiện dự toán thu – chi quý I năm 2024 (Có biểu chi tiết công khai thực hiện dự toán thu – chi quý I năm 2024 đính kèm)

Tiếp nhận ý kiến trong thời gian công khai: Đồng chí Trần Văn Chính - Đại diện ban thanh tra nhân dân.

Sau thời gian niêm yết công khai bệnh viện sẽ tiến hành lập biên bản kết thúc việc công khai./.

Biên bản kết thúc vào hồi 10h cùng ngày và thống nhất ký tên dưới đây./.



CÁC THÀNH PHẦN THAM DỰ CÙNG THỐNG NHẤT KÝ TÊN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký
1	1. Ông : Nguyễn Anh Dũng	Giám đốc	
2	2. Ông ; Trần Văn Chính	Trưởng ban thanh tra nhân dân	
3	3. Ông : Trần Minh Tứ	Chủ tịch Công đoàn	
4	4. Bà Trần Thị Lan	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	
5	5. Bà : Trần Thị Hoa	Kế toán viên - Phòng TC-KT	

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Thu Ngân sách	53	53	1	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	53	53	100.00%	
II	Số thu phí, lệ phí	32,651	7,361	22.54%	
1	Thu dịch vụ KCB	32,489	7,317	22.52%	
a	Thu BHYT	28,808	6,420	22.29%	
	Bệnh viện	28,461	6,330	22.24%	
	Hai phòng khám	347	90	25.94%	
b	Thu Viện phí	3,681	897	24.38%	
	Bệnh viện	3,679	897	24.39%	
	Hai phòng khám	2			
2	Thu Khác (coi xe+ quầy thuốc)	162	43.5	26.85%	
	Thu coi xe	144	39.0	27.08%	
	Thu thuê quầy thuốc	18	4.5	25.00%	
	Thu khác (Tiền lãi)				
III	Chi từ nguồn thu phí được để lại	32,651.0	6,564.4	20.10%	
I	Chi sự nghiệp	32,651.0	6,564.4	20.10%	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	32,651	6,564.4	20.10%	
6000	Tiền lương	9,602	1,496	15.58%	
6050	Tiền lương HĐ				
6100	Phụ cấp lương	7,738	1,003	12.96%	
6250	Phúc lợi tập thể		6		
6300	Các khoản đóng góp	2,354	223	9.48%	
6400	Các khoản Tt cho cá nhân		37		
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		165		
6550	Vật tư văn phòng		19		
6600	Thông tin, tuyên truyền		26		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6700	Công tác phí		3		
6750	Thuê mướn		104		
6900	Sửa chữa ,duy tu tài sản	162	69	42.70%	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	12,796	3,223	25.19%	
7750	Chi khác		190		
7950	Chi lập các quỹ				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	94.40	94.40	100.00%	
IV	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	94.40	94.40	100.00%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	94.40	94.40	100.00%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	94.40	94.40	100.0%	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	94.40	94.40	100.0%	
	Chi hỗ trợ khác cho học sinh ,sinh viên, cán bộ đi học	53.40	53.40	100.0%	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	41.00	41.00	100.0%	

Ngày 15 tháng 04 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Anh Dũng

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN KIM SƠN
BIỂU CHI TIẾT CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI TỪ NGUỒN NSNN
VÀ NGUỒN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý I năm 2024

Loại	Kh oản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Ngu ồn phí đượ c khá c trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Việ n trợ	Vay nợ nướ c ngo ài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	6,564,431,330					6,564,431,330
130	132			Khám bệnh, chữa bệnh	6,564,431,330					6,564,431,330
		6000		Tiền lương	1,495,972,584					1,495,972,584
			6001	Lương theo ngạch, bậc	1,495,972,584					1,495,972,584
		6100		Phụ cấp lương	1,003,573,749					1,003,573,749
			6101	Phụ cấp chức vụ	47,686,000					47,686,000
			6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	77,824,749					77,824,749
			6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	12,960,000					12,960,000
			6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	736,845,000					736,845,000
			6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	7,380,000					7,380,000
			6114	Phụ cấp trực	77,587,500					77,587,500
			6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	12,824,000					12,824,000
			6116	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	22,906,500					22,906,500
			6149	Phụ cấp khác	7,560,000					7,560,000
		6250		Phúc lợi tập thể	6,000,000					6,000,000
			6299	Chi khác	6,000,000					6,000,000
		6300		Các khoản đóng góp	222,523,644					222,523,644
			6301	Bảo hiểm xã hội	141,606,644					141,606,644
			6302	Bảo hiểm y tế	24,275,000					24,275,000
			6303	Kinh phí công đoàn	48,550,000					48,550,000
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	8,092,000					8,092,000
		6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	37,020,182					37,020,182
			6449	Chi khác	37,020,182					37,020,182
		6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	164,848,543					164,848,543
			6501	Tiền điện	80,383,433					80,383,433
			6502	Tiền nước	39,300,264					39,300,264
			6503	Tiền nhiên liệu	35,864,846					35,864,846
			6504	Tiền vệ sinh, môi trường	9,300,000					9,300,000
		6550		Vật tư văn phòng	19,208,800					19,208,800
			6551	Văn phòng phẩm	12,710,000					12,710,000

Loại	Kh oản	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Ngu ồn phí đượ c khá u trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Việ n trợ	Vay nợ nướ c ngo ài		
			6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	6,498,800					6,498,800
		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	25,662,000					25,662,000
			6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	9,702,000					9,702,000
			6618	Khoản điện thoại	15,960,000					15,960,000
		6700		Công tác phí	3,400,000					3,400,000
			6704	Khoản công tác phí	3,400,000					3,400,000
		6750		Chi phí thuê mướn	104,328,000					104,328,000
			6757	Thuê lao động trong nước	50,328,000					50,328,000
			6799	Chi phí thuê mướn khác	54,000,000					54,000,000
		6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	69,177,400					69,177,400
			6903	Ô tô chuyên dùng	1,297,400					1,297,400
			6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	67,880,000					67,880,000
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	3,223,188,428					3,223,188,428
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	3,210,693,908					3,210,693,908
			7049	Chi khác	12,494,520					12,494,520
		7750		Chi khác	189,528,000					189,528,000
			7756	Chi các khoản phí và lệ phí	17,874,000					17,874,000
			7761	Chi tiếp khách	95,424,000					95,424,000
			7799	Chi các khoản khác	76,230,000					76,230,000
				II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	94,620,000	94,620,000				
70	85			Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức (gồm cả đào tạo ngắn hạn nước ngoài)	53,400,000	53,400,000				
		6150		Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	53,400,000	53,400,000				
			6199	Các khoản hỗ trợ khác	53,400,000	53,400,000				
130	132			Khám bệnh, chữa bệnh	41,220,000	41,220,000				
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	41,220,000	41,220,000				
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	41,220,000	41,220,000				
				Tổng cộng	6,659,051,330	94,620,000				6,564,431,330

Ngày 15 tháng 4 năm 2024

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Anh Dũng